

Bản án số: 101/2020/HS-ST
Ngày 21 - 7 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Văn Rỹ

Bà Đặng Thu Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Đức Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Ngọc S (tên gọi khác: P); sinh năm 1985, tại Bến Tre; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở: 4305/1/49 N, phường TA, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Ng và bà Phạm Thị N; có vợ và 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân: Ngày 15/6/2009, Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù, về tội “Cướp giật tài sản”. Được đặc xá ngày 30/8/2010, nộp án phí hình sự sơ thẩm vào tháng 9/2009.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/01/2020 đến nay (có mặt).

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Tổ U, sinh năm 2000; nơi cư trú (hộ khẩu thường trú: 436/75/15 C, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: 18B Tổ 1, Ấp 1, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 45 phút, ngày 01/01/2020, Trần Ngọc S điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng xanh biển số 59C1-485.21 hướng từ Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đi đến đoạn giữa cầu N thuộc Phường 10, Quận 8, thì Sương nhìn thấy bà Trương Thị Kim H điều khiển xe mô tô biển số 59F1-087.20 chở chị Nguyễn Thị Tố U (là con gái của bà H), trên tay chị U đang cầm 01 điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i, màu xanh. Thấy vậy nên S nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của chị U để bán lấy tiền tiêu xài. S điều khiển xe từ phía sau chạy lên và áp sát bên phải xe của bà H, đồng thời dùng tay trái giật chiếc điện thoại trên tay của U và tăng ga định tẩu thoát. Do chân của chị U vướng vào xe của S nên làm cho hai xe và người đều ngã xuống đường, đồng thời chiếc điện thoại S cầm trên tay bị đập xuống mặt đường và bị biến dạng, hư hỏng. Lúc này, chị U tri hô và chạy đến giật lại điện thoại từ tay của S, còn bà H chạy đến giữ chìa khóa xe, không cho S tẩu thoát.

Sau đó, chị U đi đến Công an Phường 10, Quận 8 trình báo sự việc, còn bà H ở lại hiện trường canh giữ S và phương tiện. Lợi dụng lúc đông người, S dắt bộ xe đi thẳng về hướng cầu C gần đó. Lúc này, lực lượng Công an Phường 10, Quận 8 đến nơi cùng một số người dân đuổi theo và bắt giữ S tại trước số 34 C, Phường 10, Quận 8. Công an phường tiến hành lập biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang và tạm giữ của S các vật chứng gồm: 01 xe mô tô biển số 59C1-485.21, số tiền 350.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9; tạm giữ 01 điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i màu xanh từ chị Nguyễn Thị Tố U; 01 chìa khóa của xe mô tô biển số 59C1-485.21 từ bà Trương Thị Kim H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 8 đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam đối với Trần Ngọc S về hành vi “Cướp giật tài sản”. Quá trình điều tra, Trần Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội trên. Ngày 15/01/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận chiếc điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i, đã qua sử dụng có giá là 4.400.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Tố U khai điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i là tài sản của chị. Khoảng 23 giờ 10 phút, ngày 01/01/2020, sau khi hết giờ làm việc, chị và mẹ là bà Trương Thị Kim H cùng đi về, bà H chở chị trên xe mô tô biển số 59F1-087.20 đi đến cầu N thì chị U có lấy điện thoại ra sử dụng, khi cả hai đi đến đoạn giữa Cầu N thì bất ngờ bị Trần Ngọc S điều khiển xe áp sát chiếm đoạt điện thoại như đã nêu trên. Ngày 16/01/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại điện thoại cho chị U, chị yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa điện thoại là 2.700.000 đồng. Khi bị ngã xe, chị U và bà H không bị thương tích nên có đơn từ chối giám định thương tích.

Xe mô tô hiệu Exciter màu trắng xanh, biển số 59C1-485.21 và 01 chìa khóa xe, là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, qua xác minh xe do chị Nguyễn Thị Thiên H (là vợ của bị cáo) đứng tên sở hữu. Ngày 01/01/2020, chị H cho bị cáo S mượn xe sử dụng và không biết S dùng xe làm phương tiện phạm tội. Ngày 16/01/2020, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả xe lại cho chị H.

Tại bản Cáo trạng số 91/CT-VKS ngày 07/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Ngọc S về tội “Cướp giật tài sản”, theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Ngọc S về tội “Cướp giật tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị hại. Về xử lý vật chứng, đề nghị trả lại bị cáo số tiền 350.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo do không liên quan hành vi phạm tội.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định vào khoảng 23 giờ 45 phút, ngày 01/01/2020, tại đoạn đường trên cầu N thuộc Phường 10, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo Trần Ngọc S có hành vi điều khiển xe mô tô công khai chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i, có giá trị là 4.400.000 đồng của chị Nguyễn Thị Tố U, rồi nhanh chóng tẩu thoát, nhưng sau đó bị bắt quả tang. Bị cáo sử dụng xe mô tô làm phương tiện phạm tội, đây là tình tiết định khung tăng nặng “Dùng thủ đoạn nguy hiểm”.

[3] Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Cướp giật tài sản” như sau:

“1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

...

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

...

5. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng.*”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Ngọc S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, do đó đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Năm 2009, bị cáo bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh kết án về tội “Cướp giật tài sản”. Mặc dù không bị coi là án tích nhưng khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân bị cáo.

[8] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động hiệu Huawei Nova 3i là tài sản bị cáo chiếm đoạt, đã thu hồi trả bị hại; Xe mô tô hiệu Exciter biển số 59C1-485.21 là tài sản của chị Nguyễn Thị Thiên H, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H. Chị U và chị H không có ý kiến, yêu cầu gì liên quan đến việc tạm giữ, xử lý vật chứng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Số tiền 350.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo tạm giữ của bị cáo, xét là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106, trả lại cho bị cáo.

[11] Về trách nhiệm dân sự, bị hại chị Nguyễn Thị Tố U yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa chữa điện thoại là 2.700.000 đồng. Xét thấy, thiệt hại xảy ra là do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, tại phiên tòa bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại các điều 23, 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc S 04 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/01/2020.

- Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 357, 468, 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Ngọc S bồi thường cho chị Nguyễn Thị Tố U số tiền 2.700.000 (hai triệu bảy trăm ngàn) đồng, thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, cơ quan Thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chưa thi hành đầy đủ khoản tiền bồi thường thiệt hại về tài sản theo mức nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại các điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Trần Ngọc S: Số tiền 350.000 (ba trăm năm mươi ngàn) đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo F9 màu đỏ đen, số imei: 866376042179876, 866376042179868, gắn sim số 0933528863, 0896554002.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 82/PNK ngày 27/4/2020 và Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 27/4/2020).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trần Ngọc S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh